

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2024/HS – ST**

Ngày: 25 - 4 - 2024

**NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kim Sa Pha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước

Ông Huỳnh Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2024/TLST – HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST – HS ngày 18 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Minh K, sinh ngày 13 tháng 01 năm 1983; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: Sóc Trăng. Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Số 34, đường C, Khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Số 206, đường V, khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 01 người con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/9/2023 đến ngày 23/9/2023 và sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa*: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Hồng Nhật, thuộc đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số 673/8A, đường Lê Hồng Phong, khóm 5, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Trần Bội T, sinh ngày 20 tháng 11 năm 1980; Tên gọi khác: Không (Bị cáo khai tại phiên tòa tên: L); Nơi sinh: Sóc Trăng. Nơi Đăng ký thường trú: Số 06, đường P, khóm A, phường B, thành phố Z, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn A và bà Trương Mỹ Ph; Bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 03 con; Tiền án, Tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo đang bị Cục điều tra quân sự khu vực 5, Quân khu 9 khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác (có mặt).

3. Trần Nhật B, sinh ngày 23 tháng 01 năm 1986; Tên gọi khác: (Bị cáo khai tại phiên tòa: T); Nơi sinh: Sóc Trăng. Nơi đăng ký thường trú: Số 330/4, đường Đ, Khóm A, phường B, thành phố Z, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần B và bà Lê Mộng K; Bị cáo có vợ và 02 người con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/9/2023 đến ngày 21/9/2023 và sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

4. Vương Đăng K1, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1979; Tên gọi khác: Không; Nơi sinh: Sóc Trăng. Nơi đăng ký thường trú: Số 50, đường X, Khóm A, phường B, thành phố Z, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vương Th và bà Đinh Thị Bạch H; Bị cáo có vợ và 02 người con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/9/2023 đến ngày 21/9/2023 và sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay (có mặt).

- *Những người tham gia tố tụng khác (Người làm chứng)*:

+ Ông Tiêu Trọng Ngh, sinh năm 1984. (vắng mặt)

+ Ông Trần Văn H, sinh năm 1992.(vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Tú Tr, sinh năm 2000.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại khách sạn P, số 206, đường V, khóm X, phường Y, thành phố Z, có một số đối tượng tụ tập có biểu hiện nghi vấn sử dụng trái phép chất ma túy nên vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 9 năm 2023, Công an phường 7, thành phố Sóc Trăng tiến hành kiểm tra hành chính khách sạn P. Tại thời điểm kiểm tra, tại phòng ngủ của Phạm Minh K gồm có: Trần Nhật B, Tiêu Trọng N và Vương Đăng K1, có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy, nên Công an tiến hành kiểm tra. Qua kiểm tra Công an phát hiện 01 cái đĩa bằng sứ màu trắng, bên trên có chứa chất rắn màu trắng, nghi vấn chất rắn màu trắng là ma túy nên đã thu giữ và niêm phong ký hiệu “MT1”. Tiếp tục kiểm tra phát hiện 01 gói nylon trong có viền màu đỏ được bóp dính 01 đầu bên trong có 05 viên nén màu xám hình tam giác, 01 gói nylon trong có viền màu đỏ được bóp dính 01 đầu bên trong có chứa chất rắn màu trắng để trên giường ngủ, nghi vấn chất rắn màu trắng và 05 viên nén màu xám hình tam giác là ma túy nên đã thu giữ và niêm phong ký hiệu “MT2”. Tiếp tục kiểm tra Công an phát hiện 02 gói nylon trong có viền màu đỏ được bóp dính 01 đầu bên trong có chứa chất rắn màu trắng để trên kệ gỗ, nghi vấn chất rắn màu trắng là ma túy nên đã thu giữ và niêm phong ký hiệu “MT3”. Tiếp tục kiểm tra phát hiện 02 gói nylon màu trắng có chữ “SUPER ABSORB” được đóng kín, mỗi gói bên trong có 01 gói nylon màu trắng đóng kín bên trong có chứa dạng Gel màu vàng, nghi vấn là ma túy nên đã thu giữ và niêm phong ký hiệu “MT4”. Đồng thời lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nhật B, N và Đăng K.

Tại bản kết luận giám định số 153/KLMT-KTHS, ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng, kết luận:

- Mẫu chất rắn màu trắng (Ký hiệu MT1) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,7345 gam, loại Ketamine.

- Mẫu viên nén không rõ hình dạng (Ký hiệu MT2) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 2,2921 gam, loại MDMA.

- Mẫu chất rắn màu trắng (Ký hiệu MT3) được niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 4,0785 gam, loại Ketamine.

Tại bản kết luận giám định số 6024/KL-KTHS, ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Chất màu vàng dạng gel đựng trong 02 gói nylon màu trắng có chữ “SUPER ABSORB”, gửi giám định không tìm thấy thành phần các chất ma túy theo Nghị định số 75/2022/NĐ-CP, ngày 25 tháng 8 năm 2022.

Qua điều tra được biết, vào sáng ngày 14 tháng 9 năm 2023, Minh K gọi điện thoại cho Đăng K và Nhật B đến khách sạn P, để sử dụng ma túy. Khi đến

nơi, thì Phạm T là bạn của Minh K cũng có mặt, sau đó Minh K dẫn T, Đăng K1 và Nhật B đi vào phòng ngủ của Minh K sử dụng ma túy loại thuốc lắc và ma túy khô được để trên cái đĩa bằng sứ. Sử dụng ma túy được một lúc, thì có Trần Văn H và Nguyễn Thị Tú Tr là bạn của Minh K đến chơi và đi vào phòng của Minh K rồi cả nhóm cùng nhau sử dụng ma túy. Đến khoảng hơn 22 giờ cùng ngày thì Đăng K, Nhật B đi về nhà, còn H và Tr ngủ lại phòng của Minh K.

Đến trưa ngày 15 tháng 9 năm 2023, Đăng K và Nhật B tiếp tục đến khách sạn P của Minh K để sử dụng ma túy cùng với Minh K, H và T. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, do thấy gần hết ma túy nên Đăng K và Nhật B hùn tiền nhau để mua ma túy tiếp tục sử dụng. Sau đó, Đăng K gọi điện thoại cho Trần Bội T thông qua Messenger hỏi mua 50 số ma túy khô và 05 viên thuốc lắc với giá 6.250.000 đồng, thì được T đồng ý bán và hẹn giao ma túy tại khách sạn P. Một lúc sau thì T đem ma túy đến khách sạn P và Nhật B đi ra lấy ma túy và trả tiền mua ma túy cho T. Sau khi có ma túy, Nhật B đem vào phòng của Minh K để cả nhóm tiếp tục sử dụng. Tuy nhiên, sau đó Công an kiểm tra hành chính và thu giữ toàn bộ số ma túy mà Nhật B và Đăng K vừa mới mua chưa kịp sử dụng.

Về vật chứng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sóc Trăng tạm giữ: 03 (ba) gói niêm phong vụ số 153/2023, ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng có chữ ký ghi họ tên Phạm Trường Sơn, Nguyễn Văn Đình, Huỳnh Ngọc Tuyên. Tạm giữ của bị cáo Trần Nhật B: 01 (một) điện thoại di động màu xám có sim số 0939.656.779, đã được niêm phong, ký hiệu “ĐTA”; 01 (một) điện thoại di động màu đen có chữ NOKIA có sim số 0939.208.383, đã được niêm phong, ký hiệu “ĐTA1” và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen, biển số 83P1-083.83. Tạm giữ của bị cáo Vương Đăng K: 01 (một) điện thoại di động màu xB có sim số 0784.476.476, đã được niêm phong, ký hiệu “ĐTK”; 01 (một) bộ loa màu đen có chữ “CR-X” và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ, đen, biển số 83P4-530.47. Tạm giữ của Tiêu Trọng N: 01 (một) điện thoại di động màu trắng có sim số 0988.606.900, đã được niêm phong, ký hiệu “ĐTN” và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ, biển số 83P2-220.99. Tạm giữ của Phạm Minh K: 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng được cuộn tròn; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn; 01 (một) đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 (một) thẻ nhựa màu trắng; 01 (một) loa màu đen có chữ “BOOMBOX”; 01 (một) đèn điện màu xám có chữ “IR” và 01 (một) điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, bên trong có sim số 0939.090.080, đã được niêm phong, ký hiệu “ĐTKĐ”. Trong quá trình điều tra,

Cơ quan điều tra đã làm rõ và trao trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ, biển số 83P2-220.99 cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Ngọc Thái Hòa.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS.TPST ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Phạm Minh K về “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Trần Bội T về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; Truy tố bị cáo Trần Nhật B và Vương Đăng K1 về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Cáo trạng nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng; Đề nghị tuyên bố bị cáo Phạm Minh K phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Bị cáo Trần Bội T phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo Trần Nhật B và Vương Đăng K1 phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Minh K và xử phạt bị cáo từ 05 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Bội T và xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Nhật B và xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vương Đăng K1 và xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Áp dụng khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu, tiêu hủy 03 gói ma túy và các vật dụng dùng để sử dụng ma túy nêu trên theo quy định của pháp luật. Đối với 02 tờ tiền (01 tờ mệnh giá 20.000 đồng và 10.000 đồng) các bị cáo làm dụng cụ để sử dụng ma túy nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với các vật dụng như loa, đèn, các điện thoại di động thu giữ và các xe gắn máy tạm giữ của các bị cáo nêu trên không có liên quan đến hành vi phạm tội, nên đề nghị trả lại cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đã rất hối hận về hành vi phạm tội đã thực hiện, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa của bị cáo Phạm Minh K trình bày quan điểm bào chữa, thống nhất với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phạm Minh K. Tuy nhiên, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án để đảm bảo tính khách quan, vì bị cáo Phạm Minh K chỉ rủ có một mình bị cáo Trần Nhật B đến khách sạn P chơi, còn lại các bị cáo Vương Đăng K1 và nhiều người sử dụng ma túy khác như Tiêu Trọng N, Trần Văn H, Nguyễn Thị Tú Tr, Phạm T đều là tự đến và thấy ma túy thì tự ý sử dụng, bị cáo Phạm Minh K hoàn toàn không rủ rê những người này sử dụng ma túy, cũng như không có thu tiền hoặc lợi ích vật chất của người nào. Ngoài ra, trong quá trình điều tra thì Cơ quan điều tra cũng chưa làm rõ được khối lượng ma túy mà các bị cáo sử dụng vào ngày 14/9/2023 còn lại là của ai, không chứng minh được khối lượng ma túy là của bị cáo Phạm Minh K chuẩn bị để cho mọi người sử dụng. Đồng thời, đối với kết quả giám định các mẫu ma túy thu giữ của các bị cáo thì có dấu vân tay của Nguyễn Thị Tú Tr, như vậy có phải ma túy của chị Tr hay không, có bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Thị Tú Tr hay không. Do đó, để đánh giá toàn diện nội dung vụ án và cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo thì mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo Phạm Minh K từ 05 năm đến 06 năm tù là quá nghiêm khắc so với các bị cáo khác trong vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo Phạm Minh K thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trB luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, trB luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thành phố Sóc Trăng trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật

tổ tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng ông Tiêu Trọng N, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị Tú Tr. Xét thấy trong quá trình điều tra vụ án, những người làm chứng đã có lời khai cụ thể, rõ ràng nên việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không gây cản trở cho việc xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với người làm chứng nêu trên theo quy định.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Minh K thừa nhận toàn bộ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy như nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo, cụ thể vào sáng ngày 14/9/2023 bị cáo Minh K đã rủ các bị cáo Đăng K1, Nhật B và các bạn của Minh K là Phạm T, Trần Văn H, Nguyễn Thị Tú Tr đến khách sạn P, số 206, đường V, khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Sóc Trăng do Minh K quản lý để chơi và sau đó cùng nhau sử dụng ma túy, đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì cả nhóm nghỉ sử dụng ma túy. Tiếp tục trưa ngày 15/9/2023 các bị cáo Đăng K, Nhật B đến khách sạn P để chơi và tiếp tục cùng sử dụng ma túy với bị cáo Minh K, H, Tr cho đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an phường 7, thành phố Sóc Trăng kiểm tra hành chính khách sạn phát hiện các bị cáo đang sử dụng ma túy, nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra, trong ngày 15/9/2023, khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo Đăng K và Nhật B điện thoại liên lạc cho bị cáo Trần Bội T để mua ma túy sử dụng thì được bị cáo T đồng ý và đem ma túy đến khách sạn P để giao ma túy, do bị cáo Nhật B trực tiếp nhận ma túy và trả số tiền 6.250.000 đồng cho T, có tổng khối lượng ma túy là 2,2921 gam, loại MDMA và 4,0785 gam, loại Ketamine bị thu giữ khi bị bắt do các bị cáo chưa sử dụng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố đối với các bị cáo và các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, đã rất hối hận về hành vi phạm tội đã thực hiện.

Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, biên bản kiểm tra hành chính ngày 15/9/2023, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, các biên bản đối chất, các lời khai của người làm chứng (các đối tượng sử dụng ma túy chung với các bị cáo), bản kết luận giám định số 153/KLMT-KTHS, ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng và các

tài liệu chứng cứ khác thể hiện trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 14/9/2023 và ngày 15/9/2023, bị cáo Phạm Minh K đã có hành vi cung cấp địa điểm, dụng cụ để sử dụng ma túy tại phòng ngủ của Minh K, khách sạn P, số 206, đường V, khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Sóc Trăng để cho nhiều người cùng sử dụng ma túy, sử dụng ma túy nhiều lần. Còn đối với các bị cáo Trần Nhật B, Vương Đăng K1 có hành vi mua ma túy của bị cáo Trần Bội T, có tổng khối lượng ma túy là 2,2921 gam, loại MDMA và 4,0785 gam, loại Ketamine với mục đích để sử dụng với khối lượng ma túy nêu trên. Vì vậy, hành vi cung cấp địa điểm, dụng cụ để sử dụng ma túy cho nhiều người cùng sử dụng, sử dụng ma túy nhiều lần nêu trên của bị cáo Phạm Minh K đã đủ yếu tố cấu thành Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và thuộc tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; Còn bị cáo Trần Nhật B, Vương Đăng K có hành vi mua ma túy để tàng trữ nhằm mục đích để sử dụng, với 02 loại ma túy, có khối lượng nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành Tội tàng trữ trái phép chất ma túy và thuộc tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và bị cáo Trần Bội T có hành vi bán trái phép các chất ma túy cho bị cáo Trần Nhật B, có khối lượng nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành Tội mua bán trái phép chất ma túy và thuộc tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, đã truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết định khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không làm oan, sai cho các bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Phạm Minh K; hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo Trần Nhật B, Vương Đăng K1 và mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Bội T là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo phải biết rằng ma túy là chất độc hại, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của chính bản thân các bị cáo và là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm khác cho xã hội nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, nhằm thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của cá nhân các bị cáo và bạn bè của các bị cáo, cũng như nhằm thu lợi bất chính đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Bội T.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, mà còn xâm phạm đến quyền quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy. Do đó, cần phải có một mức hình

phạt nghiêm, tương xứng với từng hành vi phạm tội của mỗi bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài nhất định để các bị cáo cải tạo, học tập, sửa chữa sai lầm của mình để trở thành người công dân sống phải chấp hành theo pháp luật của Nhà nước và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này có 04 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò cụ thể và thực hiện hành vi phạm tội độc lập, khách thể xâm phạm của mỗi tội phạm các bị cáo thực hiện khác nhau, nên không thuộc trường hợp phạm tội đồng phạm có tổ chức. Do đó, mỗi bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng, độc lập với hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã thực hiện với chế tài của quy phạm pháp luật hình sự quy định. Tuy nhiên, trong 04 bị cáo thì có 02 bị cáo Trần Nhật B và Vương Đăng K cùng thực hiện hành vi phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, như cùng thống nhất điện thoại liên lạc với bị cáo Trần Bội T để hỏi mua ma túy về sử dụng, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò cụ thể nên thuộc trường hợp phạm tội đồng phạm giản đơn, có vai trò phạm tội ngang nhau, cùng chịu trách nhiệm hình sự chung về khối lượng ma túy của 02 bị cáo tàng trữ, nhưng khi lượng hình đối với 02 bị cáo này Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá về tính chất, mức độ, hành vi cụ thể để cân nhắc mức hình phạt đối với 02 bị cáo này, như: Điện thoại để liên lạc cho Trần Bội T để hỏi mua ma túy là của bị cáo Vương Đăng K1, còn bị cáo Trần Nhật B là người trực tiếp nói chuyện qua điện thoại, thỏa thuận mua ma túy của T và trực tiếp nhận ma túy, trả tiền cho Trần Bội T, nên khi xem xét, lượng hình để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo Nhật B phải cao hơn so với bị cáo Vương Đăng K1 mới phân hóa tội phạm.

- *Áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:* Trước khi quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự để cá thể hóa hình phạt của các bị cáo như sau:

+ Đối với bị cáo Phạm Minh K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự thú khai nhận hành vi phạm tội trước đó, bị cáo phạm tội không vì động cơ, mục đích thu lợi bất chính, mà do tụ tập bạn bè ăn chơi, sử dụng ma túy nhằm thỏa mãn bản thân của bị cáo và bạn bè của bị cáo, có cha là ông Phạm Minh T là người có công với cách mạng được Chủ tịch nước tặng

thường nhiều huân chương hạn nhất, nhì...thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với người phạm tội lần đầu, đã ăn năn hối cải.

+ Đối với bị cáo Trần Nhật B không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm mới (đối với bị cáo Trần Bội T), bị cáo phạm tội không vì động cơ, mục đích thu lợi bất chính, mà do tụ tập bạn bè ăn chơi, sử dụng ma túy nhằm thỏa mãn bản thân của bị cáo, có cha là ông Trần B Thương là thương binh, được Chủ tịch nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạn nhất thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với người phạm tội đã ăn năn hối cải.

+ Đối với bị cáo Vương Đăng K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự và phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm mới (đối với bị cáo Trần Bội T), bị cáo phạm tội không vì động cơ, mục đích thu lợi bất chính, mà do tụ tập bạn bè ăn chơi, sử dụng ma túy nhằm thỏa mãn bản thân của bị cáo thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với người phạm tội đã ăn năn hối cải.

+ Đối với bị cáo Trần Bội T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo đang bị Cục điều tra quân sự khu vực 5, Quân khu 9 khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi phạm tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải bị cáo, bị cáo đã tác động gia đình nộp lại số tiền thu lợi bất chính, bị cáo là người dân tộc Hoa, có hoàn cảnh gia đình khó khăn...thuộc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy

định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt mà đáng lẽ ra bị cáo phải chịu.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu, tiêu hủy 03 (ba) gói niêm phong vụ số 153/2023, ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng có chữ ký ghi họ tên Phạm Trường Sơn, Nguyễn Văn Đình, Huỳnh Ngọc Tuyền; 01 (một) đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 (một) thẻ nhựa màu trắng là hàng cấm tàng trữ, sử dụng, mua bán theo quy định.

+ Trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen, biển số 83P1-083.83; 01 (một) điện thoại di động màu xám có sim số 0939.656.779; 01 (một) điện thoại di động màu đen có chữ NOKIA có sim số 0939.208.383 cho bị cáo Trần Nhật B; Trả lại 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 83P4-530.47, 01 (một) điện thoại di động màu xanh có sim số 0784.476.476; 01 (một) bộ loa màu đen có chữ “CR-X” cho bị cáo Vương Đăng K1; Trả lại 01 (một) đèn điện màu xám có chữ “IR”; 01 (một) loa màu đen có chữ “BOOMBOX” và 01 (một) điện thoại di động màu xanh, bên trong có sim số 0939.090.080 cho bị cáo Phạm Minh K; Trả lại 01 (một) điện thoại di động màu trắng có sim số 0988.606.900 cho ông Tiêu Trọng N do các vật chứng này không có liên quan đến hành vi phạm tội các bị cáo đã thực hiện.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng được cuộn tròn; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn của bị cáo Phạm Minh K dùng để làm dụng cụ sử dụng ma túy.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 6.500.000 đồng của bị cáo Trần Bội T đã tự nguyện giao nộp.

Đối với Trần Văn H, Tiêu Trọng N, Nguyễn Thị Tú Tr và Phạm T đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng không cấu thành tội phạm nên Công an thành phố Sóc Trăng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi người với số tiền 1.500.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với khối lượng ma túy mà các bị cáo Phạm Minh K, Trần Nhật B, Vương Đăng K1, Trần Văn H, Tiêu Trọng N, Nguyễn Thị Tú T và Phạm T đã sử dụng, trong quá trình điều tra thì bị cáo Phạm Minh K cho rằng là của bị cáo Trần Nhật B đem đến nhưng bị cáo Trần Nhật B không thừa nhận, Cơ quan điều tra không chứng minh được khối lượng ma túy này là của ai, nên lời khai của bị cáo Phạm Minh K là chưa đủ căn cứ để xác định Trần Nhật B là người cung cấp ma túy để tổ chức sử dụng, nên Cơ quan điều tra không khởi tố, xử lý đối với

Trần Nhật B về hành vi phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

- Xét quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Minh K xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo là có căn cứ một phần, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận như đã nhận định phân tích nêu trên. Đối với quan điểm của luật sư cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Thị Tú Tr là không có căn cứ, Cơ quan điều tra Công an thành phố Sóc Trăng đã điều tra, làm rõ đối với khối lượng ma túy thu giữ được tại hiện trường không phải của bà Tr đem đến, mặc dù kết luận giám định đối với các gói ma túy thu giữ có dấu vân tay của Tr là do Tr có tham gia trong quá trình sử dụng ma túy, cầm nắm các vật dụng sử dụng ma túy và các gói ma túy tại hiện trường, nên Cơ quan điều tra đã xử phạt hành chính đối với bà Tr về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy như Hội đồng xét xử đã nhận định, phân tích nêu trên.

- Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và xử lý vật chứng của vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, về hình phạt đối với bị cáo Trần Nhật B, Vương Đăng K là những người phạm tội lần đầu, đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước xã hội chủ nghĩa như đã nhận định, phân tích nêu trên để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt mà đáng lẽ các bị cáo phải chịu.

- Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Minh K;

- Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Bội T;

- Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Nhật B và Vương Đăng K1.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 333; Điều 338 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Minh K phạm “Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Trần Bội T phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

Bị cáo Trần Nhật B và Vương Đăng K1 phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Xử phạt bị cáo Phạm Minh K 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/9/2023.

2. Xử phạt bị cáo Trần Bội T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt chấp hành án.

3. Xử phạt bị cáo Trần Nhật B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/9/2023.

4. Xử phạt bị cáo Vương Đăng K1 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/9/2023.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, tiêu hủy 03 (ba) gói niêm phong vụ số 153/2023, ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng có chữ ký ghi họ tên Phạm Trường Sơn, Nguyễn Văn Đỉnh, Huỳnh Ngọc Tuyên; 01 (một) đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 (một) thẻ nhựa màu trắng của bị cáo Phạm Minh K.

+ Trả lại 01 (một) điện thoại di động màu xám có sim số 0939.656.779, đã được niêm phong, ký hiệu “ĐTA”; 01 (một) điện thoại di động màu đen có chữ NOKIA có sim số 0939.208.383, đã được niêm phong, ký hiệu “ĐTA1”; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen, biển số 83P1-083.83 cho bị cáo Trần Nhật B;

+ Trả lại 01 (một) điện thoại di động màu xB có sim số 0784.476.476, đã được niêm phong, ký hiệu “ĐTK”; 01 (một) bộ loa màu đen có chữ “CR-X”; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đỏ, đen, biển số 83P4-530.47 cho bị cáo Vương Đăng K1;

+ Trả lại 01 (một) đèn điện màu xám có chữ “IR”; 01 (một) loa màu đen có chữ “BOOMBOX” và 01 (một) điện thoại di động màu xB, nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, bên trong có sim số 0939.090.080, đã được niêm phong, ký hiệu “ĐTKĐ” cho bị cáo Phạm Minh K;

+ Trả lại cho 01 (một) điện thoại di động màu trắng có sim số 0988.606.900, đã được niêm phong, ký hiệu “ĐTN” cho ông Tiêu Trọng N.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 20.000 đồng được cuộn tròn; 01 (một) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng được cuộn tròn của bị cáo Phạm Minh K.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng và Phiếu nhập kho cùng ngày 27/02/2024).

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 6.500.000 đồng của bị cáo Trần Bội T đã tự nguyện giao nộp theo Biên lai thu tiền số 0001039 ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

- Về án phí: Các bị cáo Phạm Minh K, Trần Bội T, Trần Nhật B và Vương Đăng K1 là người bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Chi cục THA DS TP Sóc Trăng;
- CQ.THA HS Công an TP Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Kim Sa Pha